

PHẬT NÓI KINH ĐÀ LA NI TẬP  
QUYỂN THỨ SÁU  
(Quán Thế Âm Đăng Chư Bồ Tát \_ Quyển Hạ)

Hán dịch: Đại Đường Thiên Trúc Tam Tạng A ĐIA CỒ ĐA (Atikuṭa)  
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

**Hà Gia Yết Lợi Bà Quán Thế Âm Bồ Tát Pháp Ấn Chú Phẩm** (Hayagrīva:  
Đường phiên dịch là Mã Đầu) **Đương Bộ** (Ấn tức có 8, Chú có 16)

**Mã Đầu Hộ Thân Kết Giới Pháp Ấn Chú** thứ 1:

Hai tay đem 3 ngón từ ngón giữa trở xuống hướng ra ngoài cài chéo nhau, đều nắm lưng bàn tay, chắp tay lại, dựng thẳng 2 ngón trở cao 1ch nhau khoảng **5 phân** (5/3cm), kèm 2 ngón cái dính nhau đều co lỏng thứ nhất, đừng dính ngón trở. Đưa ngón cái qua lại

Chú là:

**“Úm (1) bát la tì ca, tất đá (1) bạt chiết la (3) thiệp-phiệt la, la chi (4) sa ha (5)”**

\*)OM PRAVĪKA SIDDHA VAJRA JVALA-ARCI SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu muốn thọ trì Pháp của Bồ Tát này. Trước tiên, nên dùng Pháp Ấn này, tụng Chú hộ thân của mình xong. Lại Chú vào cây gỗ 7 biến, hoặc Chú vào nước 7 biến, lại dùng Ấn ấn vào nước. Hoặc Chú vào hạt cải trắng, hoặc Chú vào tro... thầy đều Ấn Chú mỗi 7 biến xong, đem cây gỗ dựng ở 4 góc làm **Giới**; rải tán hạt cải, tro, nước ở 10 phương đều thành kết Giới, sau đó làm các việc Pháp ắt sẽ có nghiệm

**Mã Đầu Đại Pháp Thân Ấn Chú** thứ 2:

Hai tay đem 3 ngón từ ngón giữa trở xuống hướng ra ngoài cài chéo nhau, đầu ngón đều nắm dính lưng bàn tay, chắp tay lại, kèm dựng 2 ngón út hợp nhau, kèm 2 ngón cái dính nhau, gắng sức co lại. Đưa ngón cái qua lại

Chú là:

**“Úm (1) đồ na đồ na (2) ma tha ma tha (3) khả đà khả đà (4) ha gia yết lợi bà (5) ô-hồng, phật (6) sa ha (7)”**

\*)OM DHUNA DHUNA, MATHA MATHA, KHĀDA KHĀDA, HAYAGRĪVA HŪM PHAT SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu người bị trùng độc với rắn cắn, hoặc bị người ác hại... dùng Ấn ấn xong, Chú vào liền khỏi

Lại có Pháp. Nếu muốn được **Mị Cổ** đi đến, lấy hoa **Tô Ma Na** (Sumaṇa), ở trước tượng Mã Đầu, Chú 21 biến thì một lần rải dưới chân tượng xong, tay phải lấy hoa thì nơi đã đi tùy yêu thích **Mị Cổ** đi theo sau, Chú vào Hoa 7 biến rồi rải tán tức liền đến.

Lại nếu người có Tâm **Bỉ thử** (Tâm chấp đó đây) lấy quả trái, Chú vào 21 biến rồi sai người đưa cho ăn thời Tâm liền mê loạn, rất yêu nhớ mình, liền không có ý khác.

### **Mã Đầu Pháp Tâm Ấn Chú thứ 3:**

Hai tay đem 4 ngón từ ngón trỏ trở xuống hướng ra ngoài cài chéo nhau, đầu ngón đều nắm dính lưng bàn tay, chắp tay lại, kèm 2 ngón cái dính nhau, đều co lỏng thứ nhất, dùng dính ngón trỏ. Đưa ngón cái qua lại

Chú là:

**“Úm (1) A mật lợi đô-tri bà bà (2) ô-hồng, phát (3) sa ha (4)”**

\*)OM AMR̄TODBHAVA HŪM PHAT̄ SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này, nếu muốn luận nghị. Lấy **Ngưu Hoàng, Xạ hương, Long Não hương** hòa mài ba vị ấy rồi Chứa vào 1008 biển, điem chắm trên đỉnh đầu với trên hai bấp tay, trái tim, cổ họng, tam tinh, chân tóc trên trán, sau ót. Lại lấy hạt cải trắng Chứa vào 21 biển, dùng tay phải nắm lấy, đi đến bên cạnh cửa của chỗ luận nghị rồi rải tán, còn tay trái giữ lại chút ít, lúc chính thức nghị luận thời dùng tay phải nắm hạt cải ở tay trái hướng về người luận nghị, kín đáo rải tán, liền búng ngón tay tức đều được thẳng kẻ khác.

Pháp nên như vậy

### **Mã Đầu Đầu Pháp Ấn Chú thứ 4:**

Dựa theo **Hộ Thân ấn**, chỉ sửa 2 ngón trỏ trụ đầu nhau, đều co đều lỏng của 2 ngón cái, để đầu ngón út thành mũi nhọn

Chú là:

**“Đá diệt tha (1) chước ca la lệ bố (2) chước ca la xoa lệ bố (3) chước ca la bả đàm ma xoa lệ bố (4) A mô ca tả (5: xưng tên người ấy) thủy la chỉ-trung (6) bả la xá vông già xa đồ (7) sa ha (8) xoa (Sa ngược lại, chỗ khác đều như thế )”**

Pháp ấy. Nếu tất cả người bị đau đầu (đau thông). Lấy danh tự của người ấy, liền tụng Chú này vào nước, tác âm thanh **ô-hồng (HŪM)** xong, liền dùng nước này, đánh trên đầu người đó, ấn ngay chỗ bị đau, thì bệnh đau nhức đó sẽ khỏi (Bản xưa bị thiếu Chú này)

### **Mã Đầu Đảnh Pháp Ấn Chú thứ 5:**

Dựa theo **Đầu Ấn** lúc trước, chỉ sửa, dựng 2 ngón trỏ dính đầu nhau. Bày 2 ngón giữa ngay trước ngón trỏ, trụ đầu nhau

Chú là:

**“Úm (1) thất-lợi la lợi chí (2) ô-hồng phát (3) sa ha (4)”**

\*)OM ŚĀRĪRA ARCI HŪM PHAT̄ SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu có người bị đau đầu, đánh...nên dùng Ấn này ấn ngay chỗ bị đau, tụng Chú, liền khỏi

### **Mã Đầu Khẩu Pháp Ấn Chú thứ 6:**

Cài ngược 2 ngón (*ngón út, ngón vô danh*) bên trong lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 ngón giữa trụ đầu nhau. Kèm dựng 2 ngón cái, đem ngón trỏ phải vịn đầu ngón cái phải, dựng ngón trỏ trái hơi cong bên cạnh ngón giữa

Chú là:

**“Úm (1) cốt lỗ lô (2) cru lô đà na (3) ô-hồng phát (4) sa ha (5)”**

\*)OM KRŪRO KRODHANA HŪM PHAT̄ SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này dùng trị tất cả bệnh Quỷ, liền khỏi

### **Mã Đầu Nha Pháp Ấn Chú thứ 7:**

Dựa theo **Quán Thế Âm Bát Không Quyển Sách Bồ Tát Nha Ấn** lúc trước, chỉ sửa 2 ngón giữa dựng thẳng dính đầu ngón, kèm dựng 2 ngón cái nắm ngón giữa. Trước tiên đem ngón út trái nắm lưng ngón vô danh phải, sau đó đem ngón út phải nắm lưng ngón út trái

Chú là:

**“Nam mô la đá-na đất-la dạ gia (1) Nam mô a lê gia (2) bà lô cát đế (3) nhiếp bà la gia (4) Bồ đề tát đỏa gia (5) Ma ha tát đỏa gia (6) Ma ha ca lô ni ca gia (7) Đá diệt tha (8) Đá-la tra (9) đá-la tra (10) mặt tra, mặt tra (11) sân đà, sân đà (12) tần đà, tần đà (13) Ô-hồng (14) phát phát (15) sa ha (16)”**

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRṆIKĀYA

TADYATHĀ: TRAṬ TRAṬ\_MAT MAT\_CCHINDA CCHINDA\_BHINDA BHINDA\_HŪM PHAT PHAT\_SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu phá các Pháp, muốn khiến cho Chú Pháp do người khác làm chẳng được thành công, nên làm cái **Đàn phấn 3 màu** rộng 4 khuỷu tay. Hai mặt Nam, Bắc vẽ tòa hoa sen, ở trên tòa ấy vẽ hình **răng nanh**. Mặt Đông làm tòa hoa, trên tòa làm **Bát Chiết La Ấn**, thấp 12 ngọn đèn, thức ăn khác nhau có trăm mùi vị, đặt trong 8 cái mâm. Thức ăn đó, mỗi ngày đều thay đổi cho mới, mỗi mỗi thay mới, cúng dường đủ bảy ngày, ngày riêng nên Chú vào hạt cải trắng 108 biển, một lần Chú một lần ném vào trong lửa thiêu đốt thì tất cả các người tác pháp đều bị phá, chẳng thể thành công được (Người khác là Ngoại Đạo, người ác)

**Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát Khất Thục Pháp Ấn Chú thứ 8:**

Ngửa tay trái, đều dựng 5 ngón tay. Hướng tay phải xuống dưới, đem ngón giữa, ngón vô danh. Ngón cái đều trụ đầu nhau

Chú là:

**“Úm (1) thị nha nhĩ (2)”**

\*)OM\_JINA-JIK

Tụng 14 biển

**Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát Giải Cấm Dao Pháp Ấn Chú thứ 9:**

Duỗi 2 tay, tay trái ở bên ngoài, tay phải ở bên trong. Đem tay trái nâng lưng tay phải, dựng 2 ngón cái

Chú là:

**“Úm (1) a sa mang nghĩa nễ (2) sa ha (3)”**

\*)OM\_ASAMĀṢINI SVĀHĀ

**Mã Đầu Liệu Bệnh Pháp Ấn Chú thứ 10:**

Hai tay cài ngược 2 ngón phía sau (ngón út, ngón vô danh) trong lòng bàn tay, dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, kèm co 2 ngón cái ngay phía trước, đều co 2 ngón trở nắm gốc móng của 2 ngón cái, lưng móng ngón trở dính nhau

Chú là:

**“Úm (1) cốt lỗ lô (2) cru lô đà na (3) ô-hồng phán (4) sa ha (5)”**

\*)OM\_KRŪRO KRODHANA HŪM PHAT\_SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này nên dùng chữa trị tất cả các bệnh, với nơi khổ não của hàng Quỷ Thần thấy đều chữa trị, bệnh ấy liền khỏi

**Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Chú thứ 11:**

Chú là:

“Na mô la đá-na, dát-la dạ da (1) na mô a lê da bà lô chỉ đế nhiếp-phiệt la gia (2) bồ đề tát đỏa gia (3) ma ha tát đỏa gia (4) ma ha ca lô ni ca gia (5) na ma tát bà tát đỏa tỳ-gia sa na già để nhĩ (6) na ma tát bà tát đỏa tỳ-gia bà na bác ha lợi nê (7) na ma tát bà tát đỏa bà du đá la na gia (8) na mô tát bà tát đỏa bà gia bạt-la xa ma na, ca la gia (9) na ma tát bà tát đỏa tỳ-gia địa, chỉ chỉ tha na, ca la gia (10) na ma tát bà tát đỏa bàn đà na, sí đà na, ca la gia (11) na mô tát bà tát đỏa độc khư, ba la mộc xoa nã, ca la gia (12) na mô tát bà tì tri-án đà ca la, tỳ đà ma na, ca la gia (13) na ma tát bà tì tri-gia trì yết đà, mô uất-đá duệ (14) ma ha ca lô ni ca gia (15) na mô tát bà tì tri-gia la xà bạt-la bỉ đá duệ (16) ma ha du thị nhiếp-phiệt la gia (17) đá tả, na ma tát-đề lợi đoả (18) y đām, a lợi gia bà lô chỉ đế nhiếp-phiệt la, mỗ khô-tri cát nam (19) Lê sư, tì tri-gia đà la (20) đệ bà, na già, dược xoa, la sát sa (21) chiêm đá-la trí tri-gia (22) yết-la ha, na xoa đá-la (23) thích yết-la, bạt ha ma (24) lộ ca bà la, tỳ sắt-nữ (25) ma ê nhiếp-phiệt la, na la dã na (26) thủy bà, tất-kiền đà, câu tỳ la (27) tổ lợi đá-la, na đá-lý già na, địa già (28) na ma tát-yết lý đām (29) hà gia yết lý phạm, na ma, lê đá yếm (30) ma bạt đái sam nhĩ (31) tát bà yết ma, át-tha sa đà đản (32) a sa hề-diêm (33) tát bà bồ đà nan (34) tì sa nan xà (35) nê ca đá đản (36) tát bà đột sắt-tra, na già nan, đām ma kiếm (37) Đá diệt tha (38) úm (39) đà lỗ la, đà lỗ la (40) tì lỗ la, bỉ lỗ la (41) tát bà bỉ sa già đá ca (42) tát bà bộ đà tì đật-la bả ca (43) thi bà lý đà (44) tì tất phỏ-lãng già đá ha bà (45) kê tát la điếm bà (46) bạt la phiệt lợi đà tỳ già (47) bạt chiết la củ la (48) nật ca đá già (49) xà lý đà (50) bà tô đà đá la (51) ni thi-bà tất đà ha tất đà (52) ma lô đô khư sấp đà (53) đà la nhẫn đà la (54) bạt la phạt lợi đà (55) bộ đà ca na tam mộ ha tì sô bà ca la (56) bát la bỉ tri-gia tam bạc xoa na ca la gia (57) bát la xa-án trí ca la (58) bộ tri-gia, bộ tri-gia (59) bà già bạn, hà gia yết bà (60) khư đà khư đà (61) bạt la mạn đà la-án (62) la xoa la xoa đá ma (63) mạn đá la án (64) tử địa mê (65) a bỉ xá, a bỉ xá (66) bát la bỉ xá, bát la bỉ xá (67) ma ma tả (tự xưng tên...)(68) thí cật-ấn (69) đật-lê xá gia lỗ phạm (70) a bỉ xá, a bỉ xá (71) thi bà la tỳ xá già (72) dược xoa, la sát sa, ca nã (73) tát đỏa tỳ hề dịch đản (74) tát bà yết-lê hề sắt-bà (75) a bạt la đề ha tí bả ma (76) bạt la bạt chiết la, đặng sắt-tra la (77) khấn giả la dạ tây (78) y đām, đột sắt-tra yết la dát (79) đột sắt tra, tỳ xá chiêm bà (80) a độ na, a độ na (81) tì độ na, tì độ na (82) y man già, đột sắt-tra (83) tát bà tỳ tát bà (84) lộ đá câu nã tử ca la lý (85) tì lê tất-chỉ cam tì sam (86) độ na độ na (87) tì độ na, tì độ na (88) ma tha ma tha (89) ba-la ma tha, ba-la ma tha (90) nật bà ha gia, nật bà ha gia (91) a du bà mạn đá lễ na (92) la ca tì sam (93) muội diệt-lý mạn diệt-lễ na (94) độ sa bỉ sam (95) ba la nhã mạn diệt-lễ na (96) mưu ha bỉ sam (97) bồ-tri ca la (98) đề la điếm mẽ na (99) kể lợi xá bạt na tì sam (100) đật ma nê la điếm nhĩ na (101) thận nê gia bạt la nã tì sam (102) bồ đà, đật ma, tăng già, thận nhã gia (103) yết vông thí yết cật-úm (104) cú lỗ cú lỗ (105) a gia yết lý bà gia, phát phát (106) bạt chiết la củ la gia, phát (107) tì na xa gia, phát (108) bạt chiết la, đặng sắt-tra la gia, phát (109) bạt chiết la, đặng sắt-tra lỗ-tri ca tra phả gia bạt la bà gia, phát (110) tát bà đột sắt-tra mạn đá la, tì na xa gia, phát (111) tát bà yết la hô, ô tha đà na gia, phát (112) tát bà yết-lê hề sấp-bà, bạt đề a đô bả ma gia, phát (113) tát bà đá la, bát la địa hà đá yết ma gia, phát (114) bát la tì tri-gia, bạc xoa na gia, phát (115) bà tra bà mục khư gia, phát (116) tát bà yết la ha tỳ xá già mê bà xa ma na gia, phát (117) gia phạm đồ, ma ma tả (tự xưng tên gọi...) (118) a hi

đái sắt-nõa-đảm (119) đảm tát bà bả-đảm bà tra bà mục khô na (120) ni cật-lân  
đà gia, phất (121) đạt nhĩ, ca nhĩ, già mê, yết ma nễ (122) thí cật-lân, cú lỗ cú lỗ  
(123) hồng hồng, phất phất (124) sa ha (125)

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-  
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNIKĀYA

NAMAḤ SARVA-SATVA VYASANA-GHĀTINE

NAMAḤ SARVA-SATVA VYASANĀVAHĀRINE

NAMAḤ SARVA-SATVA BHAYOTTATĀRAṆĀYA

NAMAḤ SARVA-SATVA BHAYA-PRAŚAMANA KARĀYA

NAMAḤ SARVA-VIDYĀDHI- CIKITSANA-KARĀYA

NAMAḤ SARVA-SATVA-BANDHANA CCHEDANA-KARĀYA

NAMO SARVA-SATVA-DUḤKHA PRAMOKṢAṆA-KARĀYA

NAMAḤ SARVA-VIDYĀNDHAKĀRA VIDHAMANA-KARĀYA

NAMAḤ SARVA-VIDYĀ-VIDHIGATA-MŪRTAYE MAHĀ-  
KĀRUNIKĀYA

NAMO SARVA-VIDYĀ-RĀJA-PRĀPTAYE MAHĀ-YOGEŚVARĀYA

TASMAI NAMASKṚTVĀ IDAM-ĀRYĀVALOKITEŚVARA-  
MUKHODGĪRNĀM

ṚṢI-VIDYĀ-DHĀRA DEVA NĀGA YAKṢA RĀKṢASA CANDRA-  
VIDYĀ GRAHĀ NAKṢATRA ŚAKRA BRAHMA LOKAPĀLA VIṢṆU  
MAHEŚVARA NĀRĀYAṆA ŚIVA SKANDA KUBERĀ SURENDRA  
MĀTRGAṆA DĪRGHA NAMASKṚTAṀ HAYAGRĪVĀṀ NĀMA PARAMA-  
HṚDAYAMĀVARTAYIṢYĀMI

SARVA-KARMĀRTHA-SĀDHAKAM ASAHYAM SARVA-BHŪTĀNĀM  
VIṢĀNĀM CA NĀŚAKAM SARVA-DUṢṬA-NĀGĀNĀM DAMAKAM

TADYATHĀ: OM TARULA TARULA VITARULA VITARULA SARVA-  
VIṢA-GHĀTAKA SĀRVA-BHŪTA-VIDRĀVĀKA JVALITĀ VISPHŪ-LĪNGA  
AṬṬA-HĀSA KESARĀṬOPAPRAVRDDHA-VEGA VAJRAKHURA-  
NIRGHĀTAKA CALITA-VASUDHĀTALA NIḤSVASITA-HASITA-  
MĀRUTOKṢIPTA-DHARAṆĪ-DHARA

PRABHṚTA-BHŪTA-GAṆA-SAMŪHAVIKṢOBHAṆA-KARA  
PRAVIDYĀ-SAMBHAKṢAṆA-KARA PRAŚĀNTI-KARA BODHYA  
BODHYA BHAGAVAM HAYAGRĪVA KHĀDA KHĀDA PARAMANTRĀM  
RAKṢA RAKṢA ĀTMA-MANTRĀM SIDDHIṀ ME ĀVEŚA ĀVEŚA  
PRAVEŚA PRAVEŚA MAMAṢYA (tự xưng tên...)

ŚIKṢAM-DARŚĀYA-RŪPAM ĀVIŚA ĀVIŚA SVARA-PIŚĀCA YAKṢA  
RĀKṢASA-GAṆA SATVA-VIHETHAM SARVA-GRĀHEŚVA  
APRATIHAṬOPAṬAD VARA VAJRA-DAMṢṬRA KĪMCI RĀPAYASI

IDAM DUṢṬA-GRĀHAM DUṢṬA-PIŚĀCĀM VĀ ĀDHUNA ĀDHUNA  
VIDHUNA VIDHUNA

IDAM-DUṢṬA SVA-VIŚVA RUTA KUṆA ŚIKHARAR-VI-RIṢṬAM  
VIṢAM DHUNA DHUNA VIDHUNA VIDHUNA MATHA MATHA  
PRAMATHA PRAMATHA NIR-VĀHAYA NIR-VĀHAYA AŚUBHA-  
MANTREṆA RĀKĀ-VIṢAM MAITRE-MANTREṆA DOṢA VIṢAM PRAJÑĀ-  
MANTREṆA MOHA-VIṢAM PUDGALA-DHĪRA-ŚAMEṆA KLEŚA-VANA-  
VIṢAM

DHARMA-NIRATAM JINA JÑEYA ĀVARAṆA-VIṢAM BUDDHA-  
 DHARMA-SAMGHA JÑĀYA KARMAM ŚĪGHRAM KURU KURU  
 HAYAGRĪVAYA PHAṬ PHAṬ  
 VAJRA-KHURĀYA PHAṬ  
 VINĀŚAYA PHAṬ  
 VAJRA-DAMṢṬRĀYA PHAṬ  
 VAJRA DAMṢṬROTKATA-BHAYA-BHAIRAVĀYA PHAṬ  
 SARVA-DUṢṬA-MANTRA VINĀŚAYA PHAṬ  
 SARVA-GRAHOTSĀDANĀYA PHAṬ  
 SARVA-GRAHEŚVA APRATIHATA UPAMĀYA PHAṬ  
 SARVATRĀ APRATIHATA-KARMĀYA PHAṬ  
 PARAVIDYA BHAKṢAṆĀYA PHAṬ  
 VAḌAVĀ-MUKHĀYA PHAṬ  
 SARVA-GRĀHA-PIŚĀCA ME VAŚAMĀNAYA PHAṬ  
 YĀVANTU MAMAŚYA (tự xưng tên gọi...)  
 AHITAIṢINASTĀN SARVĀN VAḌAVĀMUKHENA NIKRNTAYA PHAṬ  
 DHĀME KĀME GAME KARMAṆE ŚĪGHRAM KURU KURU HŪM  
 HŪM PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

Lại Mã Đầu Biệt Đại Chú thứ 12

Chú là:

“Na mô la đát-na đát-la dạ gia (1) na mô a lê gia bà lô chỉ đế nhiếp phiệt-la gia  
 (2) bồ đề tát đỏa gia (3) ma ha tát đỏa gia (4) ma ha ca lô ni ca gia (5) na ma tát bà  
 tát đỏa tỳ-gia sa na, ca đế nễ (6) na mô tát bà tát đỏa ba gia, mục xoa ca la gia (7)  
 na mô tì tri-gia, a trì ca đà mô đà duệ (8) ma ha du ca du chỉ ni (9) đát tát-mần, na  
 ma tát-yết lý đỏa (10) ế thệ, a lợi gia bà lô chỉ đế nhiếp phiệt la (11) mưu hỡ-tri  
 chỉ lợi-nam (12) bạt chiết la cú la, bà yếm (13) hà gia yết-lý phạm, na ma (14) ba la  
 mặt đá yếm (15) ma bạt đế sam nhĩ (16) a bà diễn, tát bà bộ đá nan (17) được xoa  
 nan xà tỳ na xá ca-xà (18) a mô can tát bà ca lê dạ nan (19) tì xa nan xà ni bà-la  
 nan (20) tì xa nan xà tỳ na xá nan (21) đát diệt tha (22) úm (23) đà lỗ la, đà lỗ la  
 (24) tì lỗ la, tì lỗ la (25) tát bà tì sa khur đá ca (26) thời bà lý đà (27) tì tát-phổ lãng  
 ca, đà ha sa (28) kê sa la điếm bà (29) bạt-la phạt-lợi đà tỳ ca (30) bạt chiết la  
 khuất la (31) nật ca đà nam (32) xà lý đà bà tô đà đá la (33) ni thi-bà tử đà, ha tử  
 đà (34) ma lô đô khur-sáp đà (35) ba la tỳ đà bồ đà già nũa (36) tăng sô bàn na, ca  
 la (37) ba la tì tri-gia, bạc xoa na ca la (38) ba la ma xa-án tri, ca la (39) bộ tri gia,  
 bộ tri-gia (40) Bà già phạm (41) hà gia yết lý bà (42) khả đà khả đà (43) la mạn đà  
 la án (44) la xoa la xoa (45) a tri-ma mạn đà la án (46) tử diện, mai, đà-lê xá gia  
 (47) a bỉ xá, a bỉ xá (48) cụ la tỳ xá xà (49) tát bà ca-lê hề sáp-bà (50) a ba la đề tỳ  
 bả ma (51) bà la, bạt chiết la, đặng sắt-tra la (52) khẩn chỉ la tùng dạ tây (53) ế  
 đàm đột sắt-tra, yết la hán (54) đột sắt-tra tỳ xá xà-án (55) đột sắt-tra lộ căng (56)  
 đột sắt-tra thời-bà lam (57) đột sắt-tra bỉ sản (58) a độ na, a độ na (59) tì độ na, tì  
 độ na (60) ma tha ma tha (61) ba la ma tha, ba la ma tha (62) đát tha già đà (63) a  
 chỉ-nhượng bà la gia (64) bồ đà, đạt ma, tăng già, nô tri-nhã đàn (65) yết ma mẽ  
 thí yết-án (66) cú lỗ cú lỗ (67) hà gia yết lý bà gia, phất (68) bạt chiết la khô la gia,  
 phất (69) bạt chiết la, đặng sắt-tra-la gia, phất (70) bạt chiết la, đặng sắt-tra-lô tri-  
 ca tra, phả gia, bà di la ma dạ, phất (71) ba la mạn đà la, na xá na gia, phất (72)  
 tát bà yết hô tha đà na, ca la gia, phất (73) tát bà yết hề sắt-bà, a bạt-la đề hà đồ  
 bà ma gia, phất (74) ba-la bỉ tri-gia ba khur-sử na, ca la gia, phất (75) tát bà bỉ sa,

nật ca đà na gia, phất (76) tát bà yết la ha tỳ xá xá, mễ, bà xa ma na gia, phất (77) bà tra bà mục khư gia, phất (78) gia bạn đồ, ma ma (tự xưng tên gọi...) (79) a hê đê sử-na tát đả tát bình (80) bà tra bà mục khế (81) ni yết-lan tra gia (82) phất phất (83) na mô la đá-na đất-la dạ gia (84) na mô a lê gia bà lô chỉ đế nhiếp-phiệt la gia (85) bồ đề tát đỏa gia (86) ma ha tát đỏa gia (87) ma ha ca lô ni ca gia (88) a bĩ xá, a bĩ xá (89) hà gia yết lý bộ, ô chỉ-nhã ba dạ đề (90) sa ha (91)”

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA  
NAMO ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-  
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA  
NAMAḤ SARVA-SATVA VYASANA-GHĀTINE  
NAMO SARVA-SATVA BHAYA-MOKṢA-KARĀYA  
NAMO VIDYĀDHIGATA-MŪRTAYE MAHĀ-YOGA YOGINE  
TASMAI NAMASKṚTVĀ IDAM-ĀRYĀVALOKITEŚVARA-  
MUKHODGĪRNĀM  
VAJRA-KṢURAMAHIYAM HAYAGRĪVAM NĀMA PARAMA-  
HRDAYAMĀVARTASYĀMI ASAHYAM SARVA-BHŪTĀNĀM YAKṢĀNĀM  
CA VINĀŚAKAM AMOGHAM SARVA-KĀRYĀNĀM VIṢĀNĀM CA  
NIVĀRAṆAM VIṢĀNĀM CA VINĀŚĀNĀM  
TADYATHĀ: OM TARULA TARULA VITARULA VITARULA SARVA-  
VIṢA-GHĀTAKA JVALITĀ VISPHU-LIṄGA AṬṬA-HĀSA  
KESARĀṬOPAPRAVRDDHA-VEGA VAJRAKHURA-NIRGHĀTANAM  
CALITA-VASUDHĀTALA NIḤSVASITA-HASITA-MĀRUTOKṢIPTA-  
PRABHṚTA-BHŪTA-GAṆA-SAMKṢOBHAṆA-KARA PRAVIDYĀ-  
BHAKṢAṆA-KARA PARAMA-ŚĀNTI-KARA BODHYA BODHYA  
BHAGAVAM HAYAGRĪVA KHĀDA KHĀDA PARA-MANTRĀM RAKṢA  
RAKṢA ĀTMA-MANTRĀM  
SIDDHIṀ ME TRṢĀYA ĀVIŚA ĀVIŚA GHORA-PIŚĀCA SARVA-  
GRĀHEŚVA APRATIHAṬOPAVAD VĀRA VAJRA-DAMṢṬRA  
KIṀCIRĀPAYASI  
IDAM DUṢṬA-GRĀHAM, DUṢṬA-PIŚĀCĀM, DUṢṬA-LOKAM, DUṢṬA-  
JVARAM, DUṢṬA-VIṢAM ĀDHUNA ĀDHUNA VIDHUNA VIDHUNA  
MATHA MATHA PRAMATHA PRAMATHA  
TATHĀGATĀJÑĀM-PĀLAYA BUDDHA-DHARMA-SAMGHA  
ANUJÑĀTAM KARMA ME ŚĪGHRAM KURU KURU  
HAYAGRĪVAYA PHAṬ  
VAJRA-KHURĀYA PHAṬ  
VAJRA-DAMṢṬRĀYA PHAṬ  
VAJRA DAMṢṬROTĀTA-BHAYA-BHAIRAVĀYA PHAṬ  
PARA-MANTRA NĀŚANĀYA PHAṬ  
SARVA-GRAHOTSĀDANA-KARĀYA PHAṬ  
SARVA-GRAHEŚVA APRATIHAṬA UPAMĀYA PHAṬ  
PARAVIDYĀ BHAKṢAṆA-KARĀYA PHAṬ  
SARVA-VIṢA NIRGHĀTANĀYA PHAṬ  
SARVA-GRĀHA-PIŚĀCA ME VAŚAMĀNAYA PHAṬ  
VAḬAVĀ-MUKHĀYA PHAṬ  
YĀVANTU MAMAŚYA (tự xưng tên gọi...)  
AHITAIṢINĀSTĀN SARVĀN VAḬAVĀMUKHENA NIKṚNTAYA PHAṬ  
PHAṬ

NAMO RATNA-TRAYĀYA  
NAMO ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-  
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA  
ĀVIŚA ĀVIŚA\_ HAYAGRĪVO ĀJÑĀPAYATI SVĀHĀ

2 Chú này: **Ba Đê Tra Tắt Đà Ba Bạ Đê** (Pathiṭa-siddhaḥ-upacāraḥ: Đường nói là **Tùy tụng thành nghiệm**). Tuy chẳng thọ trì Đản, cúng dường Pháp, tùy tụng thành nghiệm.

**Phược Tỳ Na Dạ Ca Chú** thứ 13:

Nếu làm Pháp này. Trước tiên nên cột cảm **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka). Y theo Pháp **Quy Mạng** ở đầu của **Đại Chú** lúc trước: quy mạng, lễ bái, liền tụng **Phược Chú** Chú là:

**“Đát diệt tha (1) chủ lỗ, chủ lỗ (2) tỳ chủ lỗ, tỳ chủ lỗ (3) già đá gia sa (4) ma ha bà la (5) tát bà tỳ tri na, tỳ na dạ càn (6) bá tra bà mô khô-tri (7) bộ đá gia, phát (8)”**

\*)TADYATHĀ: CULU CULU – VICULU VICULU – GHATA YAKṢA. MAHĀ BALĀ – SARVA VIGHNAM VINĀYAKAM VAḌA SAMUKTI BUDDHĀYA PHAṬ.

Pháp ấy nên đối trước tượng **Mã Đầu** lấy gỗ cây **Đậu Khấu** chặt dài 8 ngón tay rồi đốt cháy. Lấy **An Tắt hương** làm 800 viên. Cứ một lần chú vào một viên thì một lần ném vào trong lửa thiêu đốt, cho đến khi hết hương thì Tỳ Na Dạ Ca liền tự bị cột trói.

Lại **một Chú Pháp** thứ 12:

Y theo lúc trước, quy mạng, lễ bái

Chú là:

**“Đát diệt tha (1) Bột địa, bột địa (2) tổ bột địa (3) nhân đạt-lê bột địa (4) ma mê du ca lam (5) bà la mưu giả đô (6) sa ha (7)”**

\*)TADYATHĀ: BUDDHI BUDDHI SUBUDDHI, INDRI-BUDDHI MĀ ME ŚUKRAM BHARA MUKTO\_ SVĀHĀ.

Pháp này. Nếu người, ban đêm vướng lỗi chẳng trong sạch (bất tịnh). Lấy chỉ trắng, trước tiên Chú vào 800 biến, sau đó làm **sợi dây Chú** (Chú sách). Cứ một lần Chú thì kết gút một lần, làm 21 gút liền dùng cột buộc nơi eo lưng thì chẳng bị rỉ mắt.

Lại **một Chú Pháp** thứ 13:

Y theo lúc trước, quy mạng, lễ bái

Chú là:

**“Đát diệt tha (1) ha lý, ha lý (2) vô ha lê (3) cú ha lê (4) tát bà đột sắt-đam (5) chiêm ba dạ nhĩ (6) dạ bạt kiệt -lan địa (7) na văn xã nhĩ (8) sa ha (9)”**

\*)TADYATHĀ: HĀRI, HĀRI, MOHARI VIHARI KUHARI\_ SARVA-DUṢṬAM STAMBHAYA ME – YABA KRĀNTI DURVAṬA UMĪ – SVĀHĀ.

Pháp ấy dùng Chú vào góc **áo cà sa** (Kaṣaya) 7 biến xong kết làm một gút, một lần kết liền được Pháp Hộ Thân thành tựu xong

**Phát Khiển Mã Đầu Quán Thế Âm Ấn Chú** thứ 14:

Y theo lúc trước, quy mạng, lễ bái, **Phát Khiển Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát**

Chú là:



**“Đá diệt tha (1) tát la, ba la tát la (2) xā gia, tỳ xā gia (3) bạt chiết la cú la tam bà bá (4) sa bạt na (5) ca xa, mục đồ tử (6) sa ha (7)”**

\*)TADYATHĀ: SARA PRASARA, JAYA, VIJAYA VAJRA-KULA SAMBHAVA SAPANNĀKṢA MUKTO HI SVĀHĀ

Pháp ấy. Lấy hoa **Tố La Tỳ Bồ Sát-Ba** (Surabhi-puṣpa) [đây là: **Bách Hoa** (Hoa cây Bách thuộc giống cây Thông)] Chứa vào một biển xong thì một lần thì đánh lên Tượng, như vậy 7 lần thì Mã Đầu Bồ Tát liền quay về vậy.

### Pháp vẽ làm Tượng

Lấy cái bình sành sứ mới, rồi nhuộm làm màu xanh. Ở trên ấy vẽ làm tượng **Mã Đầu Quán Thế Âm**. Thân tượng ấy cao một gang tay của Như Lai (bằng một khuỷu tay của con người), vẽ làm 4 khuôn mặt vui vẻ.

Một mặt bên trái vẽ màu đen, tròng mắt màu xanh lục, lông nanh chó lên trên.

Một mặt bên phải vẽ làm màu đỏ, gọi là **Khiết Chú Điện**.

Mặt chính giữa làm mặt Bồ Tát rất đoan chánh, vẽ làm màu trắng.

Trên hư không cách lia đầu tượng, vẽ làm khuôn mặt màu xanh, miệng phun ra viên ngọc báu.

Trên bốn cái đầu ấy đều đội mào báu, trên mào báu ấy đều có **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha) ngồi.

Bồ Tát: Tay trái cầm hoa sen, co khuỷu tay hướng lên trên để nắm tay ngay trước bấp tay. Tay phải rũ xuống duỗi 5 ngón là tay Thí Vô Úy, trên 2 cổ tay đều làm vòng xuyên báu.

Dưới cổ Tượng ấy, đeo chuỗi Anh Lạc báu. Thân phần trang nghiêm như nơi khác đã nói về Pháp trang nghiêm thân Quán Thế Âm. Tượng đó đứng trên hoa sen báu.

Làm Tượng này xong. Từ ngày 10 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) bắt đầu ăn Đại Mạch, cháo sữa. Sau đó vào ngày 13, 14, 15, ba ngày ba đêm dứt hết chẳng ăn. Lấy hương **Sa Ca Tỳ Già** và hoa **Càn Đà Na Cú Lợi** rồi chứa vào 2 thứ này, một lần đọc chú một lần ném trên khuôn mặt ngay phía trước, cho đến 8000 lần. Trong miệng của mặt ấy phóng ra ánh sáng, ánh sáng ấy nhiều quanh thân Chú Sư rồi quay lại nhập vào miệng tượng. Ở trong cái miệng ấy tuôn ra viên ngọc Như Ý. Liền nên nhận lấy, lấy viên ngọc này xong, liền được sống lâu đến 14000 tuổi, được 7 báu của Chuyển Luân Thánh Vương, sau khi chết được sinh về cõi nước **An Lạc** (Sukha-vatī) từ bên dưới bàn chân của Đức Quán Thế Âm mà sanh ra.

Lại có một Pháp: nên đi xin thức ăn. Ăn đại mạch, cháo sữa rồi tụng 7 vạn biến.

Vạn biến thứ nhất thì **Tỳ Na Dạ Ca** liền bị cột trời

Vạn biến thứ hai thì thành tựu Chú Pháp

Vạn biến thứ ba, liền được thành tựu Pháp thuốc **An Thiện Na, Ma Na Xí La**. Ba ngày ba đêm chẳng được ăn mà chỉ làm Pháp. Tay cầm thuốc ấy, ngay lúc Chứa vào thuốc thì trong thuốc ấy hiện ra 3 loại tướng liền biết thuốc thành.

Nói 3 tướng là : hơi ấm, khói, lửa...liền được thành tựu **An Đà La Đà Na**, nhảy lên hư không mà đi, liền được thành tựu **Tri Chú Tiên Nhân**, tự tại được vào **hang A Tu La**.

Vạn biến thứ tư, sẽ cách lia mặt đất 4 ngón tay mà đi tự tại

Vạn biến thứ năm, liền được tùy ý nhảy lên hư không mà đi

Vạn biến thứ sáu, liền được sống đến ngàn tuổi. Chú Sư thành tựu **Chú Tiên**, tùy theo điều đã nhận làm đều thành Tất cả ai được hô hoán (kêu gọi, thỉnh triệu) đều đi đến.

Vạn biến thứ bảy thì tóc trên đầu của Chú Sư sẽ biến làm thành tựu tóc xoắn ốc. Tùy theo chỗ cần, ứng niệm liền đến, gần gũi thừa sự Đức Quán Thế Âm, liền biết tất cả chúng sinh trong ba đời chết nơi này sinh nơi kia như thế nào, liền được thành tựu.

— Lại có Pháp: muốn đánh **Tây Nhã Giả** (Tejāya: Uy quang đấng). Ở trước tượng Mã Đầu, nhịn ăn 3 ngày 3 đêm, mài hương trên Đàn, đem mọi thứ hương hoa, thức ăn uống, cháo sữa, quả trái ... trong sạch, mọi thứ cúng dường. Quét giã hương **Sa Xà La Sa**, dùng **Bạch Mật** hòa làm 8.000 viên, rồi Ch� vào hương một biến xong thì ném vào trong lửa thiêu đốt, như vậy cho đến khi hết hương thì Ch�ng **Tây Nhã** (Teja) ấy tìm thấy. Tức, lúc đầu nhìn thấy biến làm cái đầu quạ thì khinh chê, liền chuyển làm cái đầu của **Hà Gia Yết Lý Bà**. Ch� Sư đột ngột dâng lên, hướng về Ch�ng ấy thì tất cả Ch�ng **Tây Nhã Giả** thấy đều tan diệt.

— Lại có Pháp: Trước tiên dùng Đại mạch cho con bò ăn (ngưu khiết) xong. Lấy lúa mạch trong phân rửa sạch, sấy khô quét giã rồi chng nấu làm cháo sữa. Từ ngày 1 của kỳ Bạch Nguyệt, ăn cháo sữa này cho đến ngày 13 thì chấm dứt chng ăn. Ở trước tượng **Mã Đầu** dùng hương bột xoa tô mặt đất, rải mọi thứ hoa, thiêu đốt các hương tốt, đem mọi thức ăn uống cúng dường xong rồi, lấy hương **Ca Tỷ Xà** quét giã làm thành hạt bụi nhỏ, hòa với nước làm thành 8000 viên. Lấy gỗ cây **Ca Tha La** làm củi nhóm lửa, lấy một viên hương (hương hoàn), một lần Ch� thì một lần ném vào trong lửa thiêu đốt, như vậy cho đến hết 8000 viên thì than ấy biến thành vàng **Tô Bạt Na** (Suvarṇa: vàng ròng), nặng đến trăm ngàn lượng.

— Lại có Pháp: Nếu muốn **Khiết Tha Ch�** (tức phá diệt Ch� của Ngoại Đạo). Lấy chút máu trong thân của mình hòa với hạt cải trắng làm thành 8000 viên. Vào ngày 14 của kỳ Hắc nguyệt (15 ngày cuối của tháng) nhịn ăn một ngày, lấy gỗ **Khur Đà La** đem nhóm lửa trong lò. Lấy viên hạt cải trắng lúc trước, một lần ch� vào một viên thì ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy cho đến hết viên hạt cải, thì tất cả các Ch� thấy đều **khiết** (phá diệt) được hết (**Khiết** là ngôn ngữ của nước ngoài, tức đồng với lời dạy **phá diệt** của Đại Đường. **Tha** là Ngoại Đạo vậy)

— Lại có Pháp : Chỉ tụng Ch�, đi đến ở nơi khoáng dã (đồng trống vắng vẻ) với các bãi sa mạc thì thức ăn uống cần có, tự nhiên đến .

— Lại có Pháp: Vào lúc **Nhật Nguyệt Thực** lấy một lượng **Ngưu Tô** sạch đựng đầy trong bình bát sành sứ mới. Liền cầm cái bát này ngửa nhìn mặt trời mặt trăng rồi ch� vào **bơ** (tô) trong bát cho đến khi **bơ** nóng lên, hoặc hiện ra tướng khói tướng lửa. Ngay lúc đó liền uống thuốc này. Uống bơ này xong thì tùy muốn đến nơi nào chỉ khởi ý thì đến đó ngay. Nếu thường tụng Ch� này thì ở tất cả nơi đáng sợ đều không có sợ hãi. Hết thầy chng nạn thầy đều được giải thoát.

— Lại có Pháp : Nếu bị trúng nhọt **Lộ Đà** (người bị nhọt này thầy đều bị chết) với bị các loài rắn độc cắn (người nhìn thấy con rắn này liền bị chết) hoặc bị trúng nhọt **Kiện Tỳ Tra Kê**. Khi bị các loại nhọt này thì ch� vào đất bùn màu vàng đủ một ngàn biến rồi xoa lên trên nhọt ấy, liền được trừ khỏi. Tất cả tâm niệm sợ hãi liền được trừ bỏ.

— Lại có Pháp : Nếu người đột nhiên gặp nạn sông nước (thủy nạn) hễ Tâm ghi nhớ liền chng bị chìm đắm. Pháp của nhóm như vậy, chng thể rộng nói, tùy theo ý liền thành.

Nếu người làm **Đại Man Trà La** thì chng được hành dục

**Pháp làm tượng Hà Gia Yết Lợi Bà**

Lại nữa, lại có Pháp **vẽ làm Tượng**. Lấy một tấm lụa trắng sạch chẳng được cắt xén, thỉnh một vị Họa Sư tài giỏi, đứng trái ngược với giá cả. Lấy nước nóng thơm tắm rửa, mặc áo mới sạch, cho thọ 8 Giới. Ngày ngày như vậy ở nơi thanh tịnh làm một cái **Thủy Đàn** rộng khoảng 4 khuỷu tay (Pháp về **Thủy Đàn** như Bộ khác nói). Chú Sư hộ Thân, **kết Giới** (Sīmā-bandha) xong cùng người kia hộ Thân. Ở trong Đàn ấy đốt mọi thứ hương, rải mọi thứ hoa cúng dường xong. Ở bên trong Đàn này vẽ làm Bồ Tát

Thân của Bồ Tát ấy dài khoảng một gang tay của Đức Phật (dài ngắn chính đúng nên dùng một khuỷu tay của người), tổng cộng có 4 khuôn mặt.

Mặt chính giữa là mặt Bồ Tát rất đoan chánh làm mặt Từ Bi, nhan sắc màu trắng đỏ, tóc thuần màu xanh.

Một mặt bên trái làm mặt màu đen rất sân nộ, lông nanh chó lên trên, tóc trên đầu dựng đứng như màu đám lửa.

Một mặt bên phải làm dung mạo đại tiếu (cười to) màu trắng đỏ đoan chánh tựa như mặt Bồ Tát, đầu tóc thuần màu xanh.

Trên đầu của 3 khuôn mặt này đều đội mũ trời (Thiên Quan) và đeo vòng tai. Trên mũ Trời ấy có một vị **Hóa Phật** ngồi Kiết Già.

Trên đỉnh đầu của mặt chính giữa làm một cái đầu ngựa màu xanh biếc đang ngậm miệng.

Dưới cổ Bồ Tát đeo chuỗi Anh Lạc báu. Cổ, lưng có hào quang tròn với nhiều tầng màu sắc.

Tay trái: co cánh tay để trước vú cầm hoa sen hồng, hoa sen đó ngang bằng với cái đầu của Bồ Tát đều hướng về bắp tay trái. Trên đài hoa ấy làm một vị Hóa Phật mặc áo cà sa màu lụa đào, ngồi Kiết Già... cổ, lưng có hào quang.

Tay phải: ngửa lòng bàn tay, duỗi 5 ngón và co ngang bằng khuỷu tay, lòng bàn tay ấy nâng viên ngọc **Chân Đà Ma Ni** (Cintāmaṇi: Đường nói là Ngọc Như Ý), viên ngọc ấy tròn tựa như làm màu trắng, chung quanh viên ngọc này có ánh lửa sáng màu đỏ bao vây, ngay bên dưới viên ngọc ở tay phải ấy tuôn mưa mọi loại báu.

Trên bắp tay trái khoác **Tỳ-gia ca la giả ma** (Vyāghra-camara: Đường nói là da cạp) như khoác **Kỳ Chi** (tức **Tăng Kỳ Chi Điều**), kết đeo ngay bên dưới nách, liền kéo lan da cạp ra đến trên cái háng. Ngoài ra vòng xuyên đeo cánh tay, áo khoác ngoài (Thiên y), quần... đều như Pháp vẽ Bồ Tát của nơi khác.

Như khiến Bồ Tát đứng thẳng thân trên hoa sen hồng. Trên hư không treo lọng báu để che đầu Bồ Tát. Trong hư không bên trên ấy vẽ làm mọi loại âm nhạc của cõi Trời. Ở hai bên, trên không trung vẽ **Tu Đà Hội Thiên** nhảy múa cúng dường.

Khi vẽ Tượng này thời dùng chất nước thơm mà vẽ, chẳng được dùng keo nấu bằng da thú.

### **Mã Đầu Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Pháp Đàn**

Nếu có **Sa Môn** (Śramaṇa) hoặc **Bà La Môn** (Brāhmaṇa), **Thiện Nam Tử** (Kula-putra), **Thiện Nữ Nhân** (Kula-putrī)... ý muốn thọ trì Pháp của Bồ Tát. Dựa theo lúc trước nên làm một Đàn Pháp 4 khuỷu tay. Nên tìm kiếm **Thắng Địa**, nơi chốn thanh tịnh, lau rửa cho sạch sẽ. Lại dùng nước thơm, phân bò xoa bôi đất. Treo mọi phan lọng đủ màu, chuông báu, vật trang sức bằng ngọc, gương soi cùng với vàng bạc, mọi loại xếp xen kẽ nhau nghiêm sức Đạo Tràng.

Trong Đạo Tràng ấy lập một cái Đàn 5 màu, dài rộng 4 khuỷu tay. Trước tiên, bên dưới là màu trắng, tiếp theo thứ tự là màu vàng, màu đỏ, màu đen mà làm 4 cái cửa.

Chính giữa Đàn ấy, làm một tòa hoa sen, an trí tượng **Mã Đầu Quán Thế Âm** (Hayagrīva-avalokiteśvara).

Cửa chánh Đông làm một tòa hoa sen, an **Thập Nhất Diện Bồ Tát** (Eka-daśa-mukha-avalokiteśvara).

Cửa chánh Bắc làm một tòa hoa sen, an **Bát Tý Quán Thế Âm** (Aṣṭa-bhūjaya-avalokiteśvara).

Phương Nam của Đàn ấy lại không có tòa hoa, làm 8 vị **Long Vương** (Nāga-rāja). Nhóm nào là tám?: vị thứ nhất tên là **Nan Đà Long Vương** (Nanda-nāga-rāja), vị thứ hai tên là **Bà Tổ Kê Long Vương** (Vāṣuki-nāga-rāja), vị thứ ba tên là **Đức Xoa Ca Long Vương** (Taksaka-nāga-rāja), vị thứ tư tên là **Yết Cốt Tra Long Vương** (karkotaka-nāga-rāja), vị thứ năm tên là **Bát Ma Long Vương** (Padma-nāga-rāja), vị thứ sáu tên là **Ma Ha Bát Ma Long Vương** (Mahā-padma-nāga-rāja), vị thứ bảy tên là **Thương Khư Ba La Long Vương** (Śaṅkha-pāla-nāga-rāja), vị thứ tám tên là **Cưu Lợi Ca Long Vương** (Kulika-nāga-rāja)... 8 vị Long Vương này chỉ dùng Khang Mễ, cháo sữa cúng dường. Ngoài ra dùng mọi loại thức ăn uông cúng dường cũng được như thế. Thắp 45 ngọn đèn, trước tiên hô gọi 8 vị Long Vương an trí, dùng **Mã Đầu Bồ Tát Thân Ấn**, đưa qua lại

Chú là:

“**Úm (1) xà gia, tỳ xà gia (2) a sắt-tra na già la xà na (3) a la xà na (4) sa ha (5)**”

\*)OM \_ JAYA VIJAYA AṢṬA-NĀGA-RĀJĀNĀM ARAJĀNĀM SVĀHĀ

\_ Cửa Tây của Đàn ấy như gần bên phía Nam, an một lò lửa. Dùng mè, lúa đậu, hoa... bơ, mật hòa chung với nhau, lại tụng **Bồ Tát Tâm Chú**, Chú vào vật hòa lúc trước một biển, Chú xong thì ném vào trong lửa thiêu đốt, mỗi mỗi như vậy cho đến đầy đủ 1008 biển xong.

Tiếp theo, thỉnh **Trung Tâm Mã Đầu Bồ Tát**

Tiếp theo, thỉnh **Bắc Phương Bát Tý Quán Âm**, dùng **Bồ Tát Thân Ấn Pháp**, đưa qua lại

Chú là:

“**Úm (1) dạ thể dạ du đảm (2) sa ha (3)**”

\*)OM \_ AṢṬĀYA BHŪJAM \_ SVĀHĀ

\_ Tiếp theo, thỉnh **Đông Phương Thập Nhất Diện Bồ Tát**, dùng **Hoa Tòa Ấn** đưa qua lại. An trí tòa xong, rải mọi loại hoa, thiêu đốt các thứ hương thơm nổi tiếng như: **Trầm Thủy, Huân Lục, Chiên Đàn** ...đề cúng dường.

Chú Sư nhịn ăn một ngày. Nếu chẳng nhịn đói được thì chỉ được ăn bơ (Tô). Dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo mới sạch, vào trong Đạo Tràng rồi làm cúng dường sẽ thường được **Quán Thế Âm Bồ Tát** ghi nhớ, cũng ở trong Pháp của tất cả Bồ Tát thầy đều có nghiệm

Nếu muốn luận nghị, nên làm Đàn này mà cúng dường thì đều được thắng thượng, chẳng bị người khác gây khó khăn, cũng hay gây khó khăn cho người khác

Nếu bệnh khó khỏi, làm Đàn này xong thì không có bệnh gì chẳng khỏi

Nếu bị thuốc độc, trùng độc, cọp gây thương tích... nếu tụng Chú lúc trước thì không có gì chẳng khỏi

Dùng **Tô Mộc Khư Tử** (Đường nói là Vân Đài) quét giã làm hạt vụn, khiến cho rất nhỏ mịn, dùng nước cốt của Lạc hòa, như Pháp **Hoà Xiêu** (hoà các mảnh vụn của thức ăn khô). Dùng **Mã Đầu Quán Thế Âm Tâm Chú**, chú 21 biển xong, khiến người bệnh kia đề **bụng trống** (*không ăn*) uống vào, ắt hết thầy tất cả trùng độc có trong bụng thầy đều nôn ra .

Cũng kèm thông dụng Pháp của **Quân Trà Lợi** (Kuṇḍali): **Kết Giới** (Sīmā-bandha), **cúng dường** (Pūja).

(Phần bên dưới là Pháp của các Bồ Tát)

### **Chư Đại Bồ Tát Pháp Hội Ấn Chú Phẩm Đương Bộ** (Ấn có 9, Chú có 10)

#### **Đại Thế Chí Bồ Tát Pháp Thân Ấn** thứ 1:

Hai tay cài ngược 2 ngón phía sau (ngón vô danh, ngón út) ở trong lòng bàn tay, dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, đem 2 ngón trở hơi co lại ở lưng ngón giữa, đều vịn đầu ngón giữa. Kèm 2 ngón cái che chắn ngay trên lóng giữa của ngón giữa phải, đưa ngón cái qua lại

#### Lại **Đại Thế Chí Bồ Tát Pháp Ấn Chú** thứ 2:

Đem 2 ngón út bật ở lưng 2 ngón vô danh, dựng 2 ngón vô danh trụ đầu nhau, lại dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, đem 2 ngón trở bật tại lưng ngón giữa, trụ đầu nhau. Kèm 2 ngón cái co đầu ngón nhập vào bên lóng dưới của ngón giữa. Đưa ngón cái qua lại

Chú là:

**“Úm (1) bạt chiết la (2) bạt chiết-lợi ni (3) cồ tra cồ trí ni (4) bàn đà bàn đà (5) ha na ha na (6) đà ca đà ca (7) bát già bát già (8) ô-hông, phất (9) sa ha (10)”**

\*)OM\_VAJRA VAJRIṆI KUTṬA KUTṬINI\_BANDHA BANDHA\_HANA HANA\_DAHA DAHA\_PACA PACA\_HŪM PHAT SVĀHĀ

Nhóm Pháp Ấn Chú này. Nếu có người hay thọ trì Ấn Chú, mỗi tháng ngày 15 dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo sạch mới, làm Pháp tụng Chú sẽ mau chứng **A Tỳ Bạt Trí** (Avaivartika: Bất Thoái Chuyển)

Nếu lại dựng lập Đạo Tràng, ngày ngày dùng hương hoa cúng dường thì Phước ấy hơn hẳn người kia

#### **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Pháp Ấn Chú** thứ 3:

Cài ngược 2 ngón vô danh, bên phải đè bên trái ở trong lòng bàn tay, hợp cổ tay, dựng thẳng 2 ngón út, 2 ngón giữa trụ đầu nhau, co 2 ngón trở đều vịn trên lóng bên trên ở lưng ngón giữa, đưa ngón trở qua lại

Chú là:

**“Úm (1) bà kê đà na ma (2) sa ha (3)”** (Lại có Bản không có **sa ha**)

\*)OM\_VĀKYEDA NAMAḤ SVĀHĀ

Công năng **Lục Tự Chú** của Văn Thù Sư Lợi Ấn, nay Ta muốn nói:

Nếu có người trì Chú này muốn được thành tựu. Hoặc ăn sữa, hoặc ăn cháo sữa, hoặc ăn rau, hoặc ăn quả trái, ăn sữa... nên ăn thức ăn này

Mỗi ngày, riêng ba Thời dùng nước nóng thơm tắm gội. Nghĩa là: vào canh năm xong, sau đó là **thời đầu tiên**. Giữa ngày (giờ Ngọ) xong, sau đó là **thời thứ hai**. Hoàng hôn xong, sau đó đến đầu đêm là **thời thứ ba**. Ở 3 Thời này đều một lần tắm rửa, thời riêng đều mặc một **Cụ Tịnh Y**, vì thế cũng cần **3 Cụ Tịnh Y**. Tụng Chú khiến đủ 60 vạn biến. Đây là tối sơ thừa sự cúng dường Văn Thù Sư Lợi

Lại, nếu người muốn thọ trì thành tựu nghiệm. Trước tiên, nên vẽ làm tượng **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát**

Pháp **vẽ Tượng** ấy. lấy lụa mỏng trắng tốt, không để cho có lông, tóc cũng chẳng được cắt đứt sợi tơ đen. Trong màu sắc ấy, chẳng được dùng keo nấu bằng da thú, nên dùng nước cốt hương hòa chung để vẽ

Tượng **Văn Thù Sư Lợi** ấy ngồi Kiết Già trên tòa hoa sen, tay phải vẽ làm bàn tay **thuyết Pháp**, tay trái ngửa dính ngay trước ngực. Vẽ thân tượng ấy làm hình **Đông**

**Tử**, thân màu vàng sáng, Thiên y màu trắng che từ rốn trở xuống, thân còn lại đều lộ, đầu đội mũ Trời, thân đeo Anh Lạc, cánh tay đeo vòng xuyên, mọi sự trang nghiêm

Gian bên trái ấy vẽ tượng **Quán Thế Âm** có thân màu bạc trắng, Anh Lạc, Thiên y trang nghiêm thân phần, khiến nghiêm sức rất hoa lệ, ngồi Kiết Già trên tòa hoa sen, tay trái cầm cây phát trắng

Gian bên phải ấy vẽ tượng **Phổ Hiền Bồ Tát** có thân màu vàng ròng, Anh Lạc, quần áo trang nghiêm thân phần, khiến nghiêm sức rất hoa lệ, ngồi Kiết Già trên tòa hoa sen, tay phải cầm cây phát trắng

Ngay phía trên tượng **Văn Thù Sư Lợi**, hai bên trong hư không đều làm **Thủ Đà Hộ Thiên**, tay cầm vòng hoa, ở bên trong đám mây chỉ hiện nửa thân, tay rữ vòng hoa

Phía dưới tượng **Văn Thù Sư Lợi**, bên phải vẽ làm người thọ trì Chú, quỳ gối phải sát đất, tay bưng lư hương

Bên dưới nhóm Văn Thù Sư Lợi ấy, vẽ khắp làm ao nước. Hai bên tượng Bồ Tát đều vẽ hình ngọn núi

Vị Họa Sư ấy từ lúc khởi đầu muốn vẽ thời ngày ngày cho thọ nhận Giới **8 Quan Trai**, dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo sạch mới, sau 901 vẽ làm, cho đến khi vẽ xong

Nên tìm nơi có Tháp Xá Lợi của Phật, liền an tượng Văn Thù Sư Lợi tại mặt Đông của tháp, mặt tượng hướng về phương Tây. Nếu không có tháp lớn, nên dùng tháp nhỏ an trí tượng Văn Thù Sư Lợi, sau đó hướng mặt về phương Tây, bày mọi loại hương hoa, mọi loại thức ăn uống với nhóm quả trái... 3 thời cúng dường. Bên trong Đạo Tràng ấy thấp đèn bơ

Làm Đạo Tràng ấy, cần thiết nên tìm nơi chốn vắng lặng, Chú Sư chỉ khiến một người cung cấp. Nếu ngay tại Đạo Tràng tụng Chú thời hương hoa, thức ăn uống ... cần dùng chỉ nên búng tay ra hiệu để nhờ chứ đừng nói ra lời. Chặt cắt 1008 đoạn **Trầm Thủy Hương** dài 2 ngón tay, thấm dầu **Đô Lô Sát Ca** (Đường nói là Tô Hợp Hương), thiêu đốt than **Khur Đà La** không có khói. Nếu không có thì dùng cây **Tử Khương** thay thế. Lấy Trầm Hương lúc trước nhúng trong dầu lúc trước, Chứ một biển xong thì ném vào trong lửa thiêu đốt, như vậy cho đến hết 1008 đoạn, hết một đêm cho đến khi tướng sáng hiện ra thời Hành Giả liền thấy Văn Thù Sư Lợi. Hết thấy nguyện cầu thấy đều mãn túc, trừ việc dâm dục, ngoài ra điều đã mong cầu thấy đều đặn chẳng trái ngược với ước nguyện của Hành Giả

Lại có Pháp. Nên ở trước Tượng, chặt cắt 1008 đoạn **Chiên Đàn Hương** dài 2 ngón tay, lại y theo Pháp lúc trước, Chứ rồi thiêu đốt trong lửa, ngày đêm cúng dường. Lúc ấy Văn Thù Sư Lợi liền hiện thân sẽ vì người ấy nói Pháp, hết thấy bệnh tật trên thân thấy đều trừ khỏi, được **Bồ Tát Địa** (Bodhisatva-bhūmi) mà được tự tại.

Lại có Pháp. Nên ở trước Tượng dùng **Cồ Ma Di** (Gomayī: phân bò) xoa tô đất, rải mọi danh hoa, đốt mọi loại hương. Hành Giả ngồi ở một phía bên trong Đạo Tràng đã xoa tô, tụng Chú mỗi 108 biến. Như vậy trải qua một tháng sẽ được đại thông minh, át hay ghi nhớ tất cả Kinh Luận.

Lại có Pháp. Ngày ngày tùy Tâm thường tụng chẳng quên, cũng khiến tiêu diệt **ngiệp báo quyết định phải nhận** (Định thọ nghiệp báo)

Lại có Pháp. Nếu mỗi ngày có thể tụng riêng 108 biến thì khi lâm chung, quyết định được thấy Văn Thù Sư Lợi, tùy tâm ước nguyện đều được thọ sanh.

Văn Thù Sư Lợi vì lợi ích chúng sinh cho nên trong các công năng, lược nói chút phần

Lại nữa, Pháp Ấn Chú này. Nếu có người bị mụn nhọt ác, bệnh ác. Lấy **Long Nảo Hương, Trâm Hương, Cam Tùng Hương, Đa Già La Hương**, vỏ cây **Khổ Đông**... cùng đấm giã 5 loại vật này làm bột. Dùng **Ngưu Đằm** (mật của con bò) hòa rồi làm thành viên xong, sau đó phơi khô. Khi muốn dùng thì trong ngày phơi khô gấp, nên dùng Ấn lúc trước ấn lên thuốc ấy, cũng dùng Chú lúc trước Chú vào thuốc, đầy đủ 108 biến. Lại làm **viên nhỏ** lớn như viên bi, hòa chung với nước chứa đầy trong cái mâm lớn, dùng xoa bôi trên mụn nhọt, xoa bôi 21 lần liền khỏi.

Nếu trong bụng có bệnh, lấy nước vo gạo, hòa với thuốc lúc trước, uống vào 21 lần thì bệnh ấy liền khỏi

#### **Di Lạc Bồ Tát Pháp Ấn Chú thứ 4:**

Cài ngược 2 ngón tay phía sau (ngón vô danh, ngón út) ở trong lòng bàn tay, đem 2 ngón trở đều để ở lưng ngón giữa khiến đầu ngón dính bên dưới móng ngón giữa, dựng 2 ngón cái vịn vạch lông trên của 2 ngón giữa. Hai ngón giữa ấy cách nhau khoảng **1 thốn rưỡi** (1/2dm), mở ngón trở đưa qua lại

#### **Lại Di Lạc Bồ Tát Pháp Thân Ấn Chú thứ 5:**

Dựa theo **Thích Ca Kim Luân Ấn** lúc trước, chỉ sửa: mở 2 ngón giữa, đầu ngón cách nhau khoảng **1 thốn rưỡi** (1/2dm), đưa ngón trở qua lại

Chú là:

**“Úm (1) muội di đế-lê (2) muội di đế-lê (3) muội đát-la ma na tây (4) muội đát-la tam bà tỳ (5) muội đát-lỗ bà tỳ (6) sa ha (7)”**

\*)OM \_ MAITRI MAITRI \_ MAITRA-MANASE \_ MAITRA-SAMBHAVE \_ MAITRODBHAVE \_ SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu có người thọ trì Pháp Ấn Chú của chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, chư Thiên... ngày ngày tắm gội, vào trong Đạo Tràng, tụng Chú làm Ấn liền được tất cả Phật, Bồ Tát... thấy đều vui vẻ

#### **Địa Tạng Bồ Tát Pháp Thân Ấn Chú thứ 6:**

Ngửa 2 tay. Hai ngón trở, hai ngón vô danh đều móc nhau, bên phải đè bên trái. Hai ngón cái đều co vào trong lòng bàn tay, co hai ngón giữa lại đè trên móng hai ngón cái. Lại co đều 2 ngón út vào lòng bàn tay. Hai ngón cái đưa qua đưa lại.

Chú là :

**“Úm (1) ba-la mật, đà nễ (2) sa ha (3)”**

\*)OM \_ PRAMAṆI DĀNE SVĀHĀ

#### **Lại Địa Tạng Bồ Tát Ấn thứ 7:**

Hợp 2 cổ tay, kèm dựng 2 ngón cái, co 2 ngón trở đè đầu 2 ngón cái, dựng thẳng 2 ngón giữa, đem 2 ngón vô danh đều bật ở trên lưng ngón giữa, mở 2 ngón út dựng thẳng

Pháp Ấn Chú này. Nếu có người vào mỗi ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt, ngày 14 của kỳ Hắc Nguyệt. Dùng nước thơm tắm gội, đứng trên mặt đất, ngay thẳng thân mình, kèm 2 bàn chân xong, rồi làm Ấn này, tụng Chú Hộ Thân, diệt tội, chữa bệnh ắt ứng nghiệm cực tốt

#### **Phổ Hiền Bồ Tát Pháp Thân Ấn Chú thứ 8:**

Dựa theo **Đế Thù La Thí Đảnh Ấn** trong **Phật Phẩm** lúc trước, bên trên chỉ sửa mở 2 ngón giữa, đưa ngón trở qua lại

Chú là:

**“Úm (1) bạt đề-lễ (2) bạt đề-lễ (3) tô bạt đề lễ (4) bạt đà-la bạt trí (5) trần đà la (6) tỳ ma lễ (7) sa ha (8)”**

\*)OM BHADRE BHADRE SU-BHADRE BHADRA-VATI SAM-DHĀRA VIMALE SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu có người hay ở ngày 8, ngày 13, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt, dùng nước nóng thơm tắm gội, ở riêng một mình trong phòng, chẳng cho người khác vào, hướng mặt về phương Đông, quỳ gối, nên làm Ấn này, chí Tâm tụng Chú 21 biến, tổ bày sám hối sẽ được diệt mọi tội

Nếu dùng Chú này Chú vào tất cả thuốc 21 biến, dùng uống vào thì thân thường không có bệnh. Nếu thường tụng Chú này thì nơi nơi chốn chốn, tất cả vui vẻ

### **Phổ Hiền Bồ Tát Vị Tọa Thiên Nhân Khước Thần Quỷ Ma Chú thứ 9**

Chú là:

**“Na mô la đát-na đá-la dạ gia (1) na mô a lê gia tam mạn đà bạt đạt-la gia (2) bồ đề tát đỏa gia (3) ma ha tát đỏa gia (4) ma ha ca lô ni ca gia (5) đá diệt tha (6) bạt đề-lễ (7) ma ha bạt đề lễ (8) a đê, bạt đề lễ (9) tỳ già đa la xà tây (10) ma ha tỳ già đa la xà tây (11) sa ha (12)”**

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO ĀRYA SAMANTA-BHADRĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: BHADRE MAHĀ-BHADRE ĀDI-BHADRE VIGATA-RAJAS MAHĀ-VIGATA-RAJAS SVĀHĀ

Người thọ trì Pháp, đót nhóm **Huân Lục Hương, Trầm Thủy Hương, Đàn Hương ...** cúng dường Phổ Hiền Bồ Tát. Vào ngày 1 của kỳ Bạch Nguyệt, đối trước tượng Phật tụng một ngàn biến. Nếu muốn vào Định, trước tiên tụng 7 biến liền vào Định, Tâm trụ cũng chẳng kinh động

### **Kiến Phổ Hiền Bồ Tát Chú thứ 10**

Chú là:

**“Na mô a lê gia tam mạn đà bạt đạt-la gia (1) bồ đề tát đỏa gia (2) ma ha tát đỏa gia (3) đá diệt tha (4) át la trà (5) yết la trà (6) a la trà (7) yết la trà (8) sa ha (9)”**

\*)NAMO ĀRYA-SAMANTA-BHADRĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA

TADYATHĀ: ĀRAṬA KARATA\_ĀRAṬA KARATA\_SVĀHĀ

Đà La Ni này. Đêm 3 thời, ngày 3 thời... 6 thời chí Tâm tụng niệm chẳng quên thấy đều tiêu diệt tội nặng **5 nghịch**

Lại có Pháp. Từ ngày 8 của kỳ Bạch Nguyệt khởi đầu, khiết tịnh chuyên Tâm tụng Chú đến ngày 15, ngày ngày 3 thời tụng Chú. Chỉ thích hợp được ăn 3 loại thức ăn màu trắng là: cơm gạo tẻ, cháo sữa, Sữa Lạc. Ngày 15 ấy, một ngày một đêm chẳng nên ăn, ngày ngày dùng nước nóng thơm tắm gội thanh tịnh, mặc áo mới sạch, ở nơi Nhân Tịnh làm Đàn Tràng hoặc 12 khuỷu tay, hoặc làm 9 khuỷu tay, dài rộng ngay ngắn. Chỉ trừ rượu, thịt, **5 tân**, hành, tỏi...ngoài ra chuẩn bị mọi loại bánh, thức ăn thượng diệu với quả trái xếp bày cúng dường



Dựng cây cột phương, treo phan lọng 5 màu. Lại dùng mọi loại hoa chằng theo mùa (phi thời hoa) rải khắp trong Đàn. Đốt **Trầm Thủy Hương, Huân Lục, Chiên Đàn Hương** cúng đường.

Chú Sư ngồi hướng mặt về phương Đông, liên tụng tụng Chú đến lúc nửa đêm thời Thánh Giả **Phổ Hiền Bồ Tát** đi đến hiện thân, lúc đó liền được **Thiền Định Tam Muội**. Ở núi vắng lặng hoặc được nghe giữ chẳng quên, thân thể nhẹ nhàng tiện lợi, cũng hay đi mau chóng (tốc hành) cũng thấy **Phục Tàng** (Nidhi: kho tàng bị chôn dấu), mong cầu tu Đạo, phương tiện mau được khai ngộ

### **Phổ Hiền Bồ Tát Diệt Tội Chú** thứ 11

Chú là:

“**Chi ba trác (1: quyết định) tỳ ni ba trác (2: chặt đứt kết) ô tô ba trác (3: hết sanh ra)**”

Chú này: sáng sớm 7 biến, ban đêm 7 biến, tụng Chú này khử trừ Yểm My, Dã Đạo, Cổ Độc... hay được **3 giải thoát** của **Thân Tâm Tuệ**. Đòi sau chẳng nhận thân sanh tử, được **Pháp Thân, Thường Thân**. Trong nước, ngoài nước: giặc oán, tất cả người ác, tất cả Quỷ Thần ác, tất cả trộm cướp, cạp, sói. Sư tử, trùng độc, thú ác... nghe tiếng Chú này đều bị ngậm miệng, chẳng gây nhiễu loạn được. Mộng ác, tai ương, chim kêu trăm quái... tự nhiên tiêu diệt

Công năng của Chú này chẳng thể nói hết được

### **Hư Không Tạng Bồ Tát Pháp Thân Ấn Chú** thứ 12:

Ngửa 2 bàn tay, móc ngược 2 ngón vô danh, 2 ngón út đều co bên trong lòng bàn tay, Dựng 2 ngón giữa dính lưng nhau, ngửa duỗi thẳng 2 ngón trỏ, bên phải đè bên trái. Duỗi 2 ngón cái đè trên đầu ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, đưa ngón cái qua lại

Chú là:

“**Úm (1) già gia na kiện xà (2) bà lô cát đế (3) sa ha (4)**”

\*)OM GAGANA-GAÑJA AVALOKITE SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu có người hay thường ưa thích tụng trì Ấn Chú này thì tài vật cần dùng thấy đều như ý

Nếu dùng Ấn này ấn vào nước, Chú xong. 7 ngày uống vào sẽ trừ tất cả bệnh. Nước ấy nhập vào bụng ví dụ như **Đề Hồ** (Sarpī-maṇḍa, hoặc Maṇḍa). Sáng sớm, chiều tối đều uống **1 thăng** (1 lít), đến ngày sau uống **1 thăng rượu** (3/2 lít), cũng có thể 2 thăng, 3 thăng, 4 thăng, 5 thăng... mỗi khi uống nước xong, lễ 10 phương hư không Phật 7 bái, hành Đạo 7 vòng.

Nếu có người uống nước Chú này, mãn 100 ngày ắt trừ được tất cả bệnh trong thân, lại liền chứng được **A La Hán Đạo** (Arhat-mārga). Tâm tâm thường niệm Hư Không Tạng Bồ Tát chẳng được bỏ quên, là sức của Chú vậy

### Lại **Hư Không Tạng Bồ Tát Chú Thủy** Chú thứ 13:

Chú là:

“**Na mô la đát-na đát-la dạ gia (1) na ma a ca xá yết bà gia (2) bồ đề tát đỏa gia (3) ma ha tát đỏa gia (4) ma ha ca lô ni ca gia (5) đát diệt tha (6) tì ma lê (7) ma ha tì ma lê (8) úc ma lê (9) ma ha úc ma lê (10) hưu ma lê (11) ma ha hưu ma lê (12) tát bà lê (13) ma ha tát bà lê (14) chỉ lợi thể (15) sa ha (16)**”

\*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀKĀŚĀ-GARBHĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUNĪKĀYA

TADYATHĀ: VIMALE MAHĀ-VIMALE – UDĀRI MAHĀ-UDĀRI – UD-  
BALE MAHĀ-UD-BALE – SAHARI MAHĀ-SAHARI KĪRTTI – SVĀHĀ

Nên dùng Chú này Chú vào nước sạch 49 biến rồi cho người bệnh uống. Nếu nhiều người bị bệnh thì Chú vào một bồn nước, cho mỗi một người uống **2 thăng** (2 lít).

Hoặc ngay trong thân, hoặc ở bên ngoài thân, hoặc ở trên **Sanh Tạng**, hoặc ở dưới **Thục Tạng**, đau buốt đầu, mắt mờ, đau nhức thân, đau tim, nóng lạnh chẳng điều hòa... nghe **Hư Không Tạng Bồ Tát Chú Thủy Tinh Bồ Tát Chú** này thì 8 vạn Quỷ Thần chẳng được nhiều hại thân ấy. Đại Thần Chú này hay khiến bệnh khổ đều được trừ khỏi

Khi ấy, nhóm Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát từ Phật Hội này đều phát ra **Bản Ý** (ý của mình) mà nói Công Đức, sức Đại Oai Thần chẳng thể nghĩ bàn của **Pháp Ấn Chú Phẩm**

Chư Phật khen rằng: “Lành thay! Lành Thay! Các ông hay làm khéo hộ niệm, bày phương tiện oai thần tự tại này rộng cứu chúng sanh lìa các tham dính, trừ tội chướng ấy, khừ các phiền não, phát Đại Từ Bi, ân cần dạy bảo, cảm ngộ phát giác... Ta thành ân khả”

  Bấy giờ, Hội Chúng thấy đều vui vẻ, làm lễ rồi lui ra

PHẬT NÓI ĐÀ LA NI TẬP KINH  
  QUYÊN THỨ SÁU    
(**Quán Thế Âm Đẳng Chư Bồ Tát**   **Quyên Hạ**)  
  Hết